TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS - ST
Ngày: 16-5-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mơn;
2. Ông Nguyễn Trường Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận*:** Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc*" Tranh chấp hợp đồng dân sự cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2025/QĐST-DS ngày 24/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T năm 1977; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang*có mặt*

Bị đơn: Ông Đặng Đức M năm 1994; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang*vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại toà án nguyên đơn bà Mai Thị Tl bày: Bà T2 chủ tiệm cầm đồ (cầm xe). Ngày 23/6/2018 al ông M1 đến tiệm của bà T3 cầm chiếc xe hiệu Exciter giá 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng), sau đó ông M1 đến gặp bà T4 mượn lại chiếc xe để đi đám 3 ngày sẽ trả lại, do là chỗ quen biết nên bà T5 cho ông M2 lại xe và các giấy tờ liên quan đến xe, nhưng khi mượn xong hết thời gian 3 ngày ông M3 trả xe lại cho bà T6 trốn đi

nơi khác. Thời gian sau ông M1 về và có gặp bà T7 hẹn sẻ trả số tiền trên và số lãi. Bà T8 ông M1 tính lại thì ông M4 nhận còn thiếu bà T9 tiền vốn và lãi là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng) và có làm biên nhận cho bà T(biên nhận đề ngày 16 tháng 6 năm 2024) và ông M1 hứa là 2 tháng đầu mỗi tháng trả 4 triệu đồng, còn lại hàng tháng mỗi tháng trả 15.000.000 đồng trả đến khi hết số nợ, nếu không đúng hẹn bên bà T10 được quyền tiếp tục tính lãi. Nhưng từ khi hứa hẹn đến nay ông M3 trả tiền cho bà T11 nào. Bà T16 đòi nhiều lần nhưng ông M5 hứa hẹn, khi bà T12 quá thì ông M6 mặc (trốn) bà T

Tại đơn khởi kiện bà T13 cầu ông Đặng Đức M7 cho bà tổng số tiền là 108.800.000 đồng (trong đó tiền vốn theo biên nhận là 68.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/ tháng kể từ ngày 16/6/2021 đến ngày 16/6/2021 là 40 tháng (68.000.000đ x1,5%/tháng) x 40 tháng = 40.800.000) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/10/2024 cho đến khi Tòa án giải quyết dứt điểm vụ kiện.

Bị đơn ông Đặng Đức M8 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T14, buộc ông Đặng Đức M7 cho bà T9 tiền 36.134.000 đồng (Trong đó tiền cầm cố tài sản là 28.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 8.134.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Đức M9 bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông M

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn bà Mai Thị T15 kiện yêu cầu ông Đặng Đức M7 số tiền xuất phát từ hợp đồng cầm cố tài sản là chiếc xe Exciter. Do đó, xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự cầm cố tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Bà Mai Thị T16 nhận cầm chiếc xe của ông M10 số tiền là 28.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Đến ngày 16/6/2024 ông M11 bà T17 thuận số tiền vốn và lãi phát sinh là 68.000.000

đồng nên ông M1 viết biên nhận cho bà T18 kết 06 tháng sau sẽ trả đủ. Tuy nhiên đến nay ông M3 trả tiền vốn và tiền lãi cho bà T

Tại phiên tòa, bà T19 đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông M7 số tiền đã cầm xe là 28.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/6/2021 đến ngày 16/5/2024 là 2 năm 11 tháng theo lãi suất chậm trả là 10%/năm. Xét thấy, việc ông M12 tài sản nhưng không thanh toán, mặc dù đã lấy lại tài sản đã sử dụng nhưng không trả tiền cầm tài sản. Vì vậy việc bà T15 kiện là có căn cứ theo quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy, T1cầm cố tài sản và tiền lãi là: 28.000.000 đồng + [28.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 35 tháng]= 36.134.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T20 ông M trả cho bà T9 tiền 36.134.000 đồng (Trong đó tiền cầm cố tài sản là 28.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 8.134.000 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm*:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông M phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành số tiền 36.134.000 đồng, tiền án phí là 36.134.000 x 5% = 1.806.700 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Mai Thị T14 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.720.000 đồng theo biên lai thu số 0002420 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 244, 271, 273Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 309; 357; 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T14 đối với ông Đặng Đức M13. Buộc ông Đặng Đức M13 trả cho bà Mai Thị T14 số tiền 36.134.000 đồng (Trong đó tiền cầm cố tài sản là 28.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 8.134.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Đặng Đức M13 phải chịu là 1.806.700 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Mai Thị T14 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.720.000 đồng theo biên lai thu số 0002420 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt (ông Đặng Đức M14 mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm